

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh  
bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam  
(dành cho học sinh tiểu học)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020";

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Xét Biên bản thẩm định Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh của Hội đồng thẩm định (được thành lập theo Quyết định số 3723/QĐ-BGDĐT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (dành cho học sinh tiểu học), gồm: cấu trúc đề thi, cách tính điểm thi và mô tả năng lực ứng với điểm thi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc đại học Quốc gia, đại học vùng; Giám đốc học viện; Hiệu trưởng trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thủ trưởng cơ sở đào tạo ngoại ngữ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Thủ trưởng cơ sở đánh giá năng lực ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Cục KTKĐCLGD.



**Nguyễn Vinh Hiển**

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC SỬ DỤNG TIẾNG ANH**  
**bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**  
**(dành cho học sinh tiểu học)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1479** /QĐ-BGDĐT  
ngày **10** tháng **5** năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

**I. CẤU TRÚC ĐỀ THI**

Kỹ năng thi	Mục đích	Thời gian	Các phần thi và dạng câu hỏi	Nhiệm vụ bài thi
<b>Nghe</b>	<p>Kiểm tra các tiêu kỹ năng Nghe hiểu khác nhau, có độ khó bậc 1:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghe hiểu từ vựng cơ bản.</li><li>- Nghe hiểu và xác định các lời đáp phù hợp đối với các câu nói thông thường hàng ngày.</li><li>- Nghe thông tin chung và chi tiết từ các hội thoại ngắn, bài nói chuyện ngắn, các chỉ dẫn đơn giản.</li></ul>	<p>Từ 18-20 phút, bao gồm khoảng 15 phút nghe và làm bài (5 phút để chuyển kết quả sang phiếu trả lời).</p>	<p><b>Phần 1:</b> 6 câu hỏi Nghe và ghép số của câu hỏi với hình ảnh.</p> <p><b>Phần 2:</b> 4 câu hỏi Nghe và chọn câu đáp lại đúng nhất.</p> <p><b>Phần 3:</b> 5 câu hỏi Nghe và chọn tranh mô tả tốt nhất thông tin trong đối thoại đã nghe.</p> <p><b>Phần 4:</b> 5 câu hỏi Nghe và đánh dấu vào ô Đúng hoặc Sai theo nội dung đã nghe.</p> <p><b>Tổng cộng:</b> 20 câu.</p>	<p><b>Phần 1:</b> Thí sinh nghe các câu đơn ở thể khẳng định, sau đó ghép số của câu hỏi với hình ảnh thích hợp.</p> <p><b>Phần 2:</b> Thí sinh nghe các câu hỏi, đánh dấu kiểm (✓) vào câu đáp lại phù hợp nhất.</p> <p><b>Phần 3:</b> Thí sinh nghe các đối thoại gồm 2 lượt lời nói, có nội dung đơn giản với 1 thông tin cần thông báo, sau đó đánh dấu kiểm (✓) vào tranh/hình mô tả thông tin đề cập trong hội thoại.</p> <p><b>Phần 4:</b> Thí sinh nghe một đối thoại (gồm 8-10 lượt lời nói), hay một bài độc thoại (khoảng 6-8 câu), với 6-7 thông tin cần thông</p>

				<p>báo, sau đó đánh dấu kiểm (✓) vào ô Đúng hay Sai).</p> <p>(Tất cả các phần ghi âm được thể hiện ở tốc độ 120-140 từ/phút, phát âm rõ ràng)</p>
<b>Đọc</b>	<p>Kiểm tra các tiêu kỹ năng Đọc hiểu khác nhau, có độ khó bậc 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc và nhận ra từ vựng cơ bản với những hỗ trợ /gợi ý trực quan.</li> <li>- Đọc hiểu và xác định được các ý chính trong đoạn văn ngắn, đơn giản.</li> <li>- Đọc và liên kết được các thông tin giữa các câu đơn giản để suy luận và hiểu được nghĩa của toàn bộ văn bản ngắn.</li> <li>- Đọc và hiểu một số miêu tả ngắn, đơn giản về các sự việc ở hiện tại, quá khứ và tương lai.</li> </ul>	<p>20 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời.</p>	<p><b>Phần 1:</b> 5 câu hỏi ghép từ kèm hình ảnh minh họa.</p> <p><b>Phần 2:</b> 5 câu hỏi xác định câu Đúng hay Sai.</p> <p><b>Phần 3:</b> 5 câu hỏi sắp xếp lại các lượt nói theo đúng trật tự.</p> <p><b>Phần 4:</b> 5 câu hỏi điền từ đúng vào ô trống.</p> <p><b>Tổng cộng:</b> 20 câu.</p>	<p>Thí sinh đọc các dạng văn bản khác nhau: các tin nhắn, bài miêu tả, câu chuyện ngắn, thư từ, bưu thiếp, bảng chỉ đường và các hướng dẫn ngắn, đơn giản. Thí sinh trả lời câu hỏi (<b>Phần 1:</b> Ghép từ với phần miêu tả có hình minh họa; <b>Phần 2:</b> Xác định câu đúng hay sai; <b>Phần 3:</b> Sắp xếp lại các lượt nói theo đúng trật tự; <b>Phần 4:</b> Điền từ đúng vào ô trống).</p>
<b>Viết</b>	<p>Kiểm tra các tiêu kỹ năng Viết khác nhau, có độ khó bậc 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điền từ theo gợi ý.</li> <li>- Viết câu theo gợi ý.</li> </ul>	<p>20 phút, bao gồm cả thời gian chuyển kết quả sang phiếu trả lời</p>	<p><b>Phần 1:</b> 5 câu hỏi điền từ vào chỗ trống có gợi ý.</p> <p><b>Phần 2:</b> 5 câu viết câu từ những từ/cụm từ cho sẵn.</p>	<p>Điền từ, viết câu và viết một lá thư đơn giản (<b>Phần 1:</b> Điền từ theo gợi ý; <b>Phần 2:</b> Viết câu theo gợi ý; <b>Phần 3:</b> Viết một bức thư đơn giản/thiệp</p>

	<p>ý.</p> <p>- Viết thư/thiệp mời/tin nhắn theo gợi ý.</p>		<p><b>Phần 3:</b> Viết thư đơn giản/thiệp mời/tin nhắn để thực hiện các chức năng giao tiếp khác nhau, sử dụng các gợi ý cho sẵn.</p> <p><b>Tổng cộng:</b> 11 câu.</p>	<p>mời/tin nhắn trong khoảng 35-45 từ theo các gợi ý cho sẵn).</p>
Nói	<p>Kiểm tra kỹ năng giao tiếp nói đơn giản, có độ khó bậc 1:</p> <p>- Hỏi, trả lời câu hỏi trong những tình huống đơn giản và thông thường.</p> <p>- Kỹ năng nói tương tác với những tình huống cố định.</p>	<p>11 phút/mỗi thí sinh, bao gồm thời gian chuẩn bị lúc bắt đầu và chuẩn bị kết thúc phần cuối.</p>	<p><b>Phần 1:</b> Phỏng vấn, 5 câu hỏi.</p> <p>Các thí sinh được người đối thoại hỏi 5 câu hỏi trong đó có 2 câu hỏi về chào hỏi và thông tin cá nhân (tên, tuổi) và 3 câu hỏi về công việc hàng ngày, thời gian, sở thích (môn học yêu thích, trò chơi,...), gia đình, bạn thân, trường học, thức ăn, thú cưng, việc nhà,... Thí sinh được yêu cầu đưa ra các câu trả lời ngắn.</p> <p><b>Phần 2:</b> Đáp lại các gợi ý liên quan đến vật thể, 5 câu hỏi:</p> <p>- 4 câu hỏi về các vật thể quen thuộc. Những câu hỏi này đầu tiên yêu cầu thí sinh hiểu và đáp lại bằng cử chỉ kèm theo những câu trả lời ngắn, sau đó thí sinh được yêu cầu mô tả, đưa ý kiến về những đồ vật này với những câu trả lời dài hơn.</p>	<p><b>Phần 1:</b> Thí sinh nghe câu hỏi và trả lời trong phần phỏng vấn.</p> <p><b>Phần 2:</b> Thí sinh thực hiện hành động và trả lời dạng hội thoại dựa theo thông tin trên thẻ nhắc.</p> <p><b>Phần 3:</b> Thí sinh mô tả tranh.</p>

			<p>- 1 câu hỏi về 1 hướng dẫn đơn giản liên quan đến các vật thể.</p> <p><b>Phần 3:</b> Mô tả tranh, mỗi thí sinh trả lời 5 câu hỏi.</p> <p>Thí sinh nhìn vào một bức ảnh/ tranh về các khung cảnh hoặc tình huống quen thuộc với mình:</p> <p>- 4 câu hỏi liên quan đến bức tranh.</p> <p>- Tùy vào chủ đề của bức tranh, giám khảo hỏi thêm 1 câu hỏi phụ.</p>	
--	--	--	--	--

## II. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI VÀ MÔ TẢ NĂNG LỰC ỨNG VỚI ĐIỂM THI

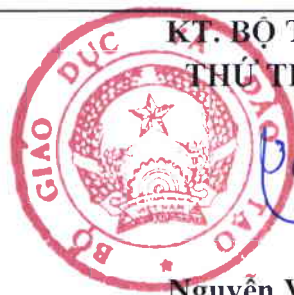
### 1. Cách tính điểm thi

- Mỗi kỹ năng thi: Nghe, Đọc, Viết, Nói được đánh giá trên thang điểm từ 0 đến 25.
- Điểm của bài thi được cộng từ điểm của mỗi kỹ năng thi, tối đa là 100 điểm, sau đó quy về thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm; được sử dụng để xác định mức năng lực sử dụng tiếng Anh của thí sinh.
- Không có điểm Đạt hoặc Không đạt cho học sinh tiểu học, nhưng tất cả thí sinh vẫn được xếp loại năng lực đi kèm các mô tả năng lực dựa trên điểm thi đạt được. Trong trường hợp nhất thiết phải quy định mốc điểm cụ thể để áp chuẩn Đạt/Không đạt thì áp dụng mức Đạt là có kết quả thi của cả 4 kỹ năng thi, không có kỹ năng nào đạt dưới 10 điểm và có tổng điểm của cả 4 kỹ năng sau khi quy đổi từ 5,0 trở lên.

### 2. Mô tả năng lực ứng với điểm thi

Điểm	Mức	Mô tả tổng quát
<5,0	Cần nỗ lực hơn	Có thể hiểu và sử dụng một số từ vựng đơn giản, phổ biến trong các chủ đề quen thuộc nhưng ở mức hạn chế. Có thể sử dụng một vài cấu trúc ngữ pháp hoặc một vài từ ngữ cơ bản trong các giao tiếp cụ thể nhưng có nhiều sai sót và diễn đạt khó hiểu. Còn khó khăn trong việc tự giới thiệu bản thân và người khác; thường xuyên ngập ngừng hoặc im lặng trong các giao tiếp đơn giản mặc dù

		người đối thoại nói rất chậm, rõ ràng, lặp đi lặp lại hoặc/và hỗ trợ bằng nhiều cách khác nhau.
5,0 – 6,5	Trung bình	Có thể hiểu và sử dụng một số từ vựng đơn giản, phổ biến trong các chủ đề quen thuộc, sử dụng được một số cấu trúc quen thuộc thường nhật; sử dụng được một số từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác, có thể trả lời một số thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè nhưng còn nhiều khó khăn khi diễn đạt do thiếu từ vựng hoặc còn diễn đạt chưa chính xác. Có thể giao tiếp đơn giản với điều kiện người đối thoại nói thật chậm, rõ ràng...
7,0 – 8,0	Khá	Có thể hiểu và sử dụng nhiều từ vựng đơn giản, phổ biến trong các chủ đề quen thuộc, sử dụng nhiều cấu trúc quen thuộc thường nhật; nhiều từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân, bạn bè ..., tuy nhiên thỉnh thoảng vẫn còn khó khăn trong diễn đạt hoặc diễn đạt chưa chính xác. Có thể thực hiện các chức năng giao tiếp đơn giản khá lưu loát.
> 8,0	Giỏi	Có thể hiểu, sử dụng tốt các từ vựng đơn giản, phổ biến trong các chủ đề quen thuộc, sử dụng được đa dạng cấu trúc ngữ pháp, các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp đơn giản. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác một cách phù hợp; có thể cung cấp và trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè ... hiệu quả. Có thể thực hiện các chức năng giao tiếp đơn giản lưu loát và tự nhiên.



**Nguyễn Vinh Hiển**